

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 77/2021/DS-ST

Ngày: 08-4-2021.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng góp hui*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Sương**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Loan**;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp: “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Võ Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh T.

*** Bị đơn:** Trần Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Đ trình bày:

Bà có cho chị Trần Thị T chơi hui do bà làm đầu thảo, dây hui mở ngày 10/02/2018 âm lịch, dây hui có 35 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, gồm có 31 thành viên tham gia, chị T tham gia 04 phần, chị T đã hốt 04 phần cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 20/02/2018 âm lịch chị T hốt hui ở kỳ khai hui thứ 01 số tiền là 65.150.000 đồng, bà đã giao đủ tiền mặt cho chị T.

- Lần 02: Ngày 20/6/2018 âm lịch, chị T hốt hui ở kỳ khai hui thứ 4, với số tiền là 75.000.000 đồng, bà đã giao đủ bằng tiền mặt cho chị T.

- Lần 03: Ngày 20/4/2019 âm lịch chị T đã hốt hui ở kỳ khai hui thứ 12, số tiền là 73.450.000 đồng bà đã giao đủ số tiền này cho chị T.

- Lần 04: do nợ hui chết không đóng nên bà Đ đã trừ qua tiền thiếu hui chết 15 kỳ là 45.000.000 đồng, dây hui này nay đã mãn ngày 20/11/2020 âm lịch. Sau khi tất toán thì hiện nay chị T còn nợ bà số tiền là 165.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu chị T trả cho bà số tiền nợ là 165.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị với bà Trần Thị Đ là bà con, bà Đ là vợ ruột của chị T. Chị thừa nhận chị có tham gia chơi hui như bà Đ trình bày là đúng, chị thống nhất chị có hốt tất cả các lần hui như lời bà Đ trình bày là đúng, các lần hốt hui chị cũng đã nhận đủ tiền mặt do bà Đ giao. Quá trình hốt chị cũng có đóng hui nhưng đóng bao nhiêu lần và đóng bao nhiêu tiền thì chị cũng không nhớ và giữa chị và bà Đ cũng không có sổ sách, chứng từ gì về việc chị đã đóng lại số tiền hui sau khi hốt.

Nay bà Đ yêu cầu chị trả số tiền hui là 165.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật thì chị đồng ý trả cho bà Đ số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng, do chị có tham gia chơi hui và có hốt hui như bà Đ trình bày là đúng, chị còn nợ lại bà Đ số tiền hui là 165.000.000 đồng là đúng nhưng do hiện nay gia đình chị quá khó khăn không có khả năng trả một lần, còn đang nợ nần không có khả năng để trả, xin bà Đ để khi nào chị có tiền chị sẽ trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Đ yêu cầu chị T phải trả số tiền hui là 165.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Trần Thị T thống nhất thừa nhận chị T còn nợ bà Võ Thị Đ số tiền hui là 165.000.000 đồng, chị T đồng ý trả cho bà Đ số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn, do chị còn nợ bà Đ số tiền nợ của các dây hui trước kia chưa trả xong, hiện nay vẫn đang trả tiền hui của các dây hui trước đó, không có liên quan gì đến số nợ hui 165.000.000 đồng này nên chị xin bà Đ cho chị ngưng trả, để chị trả nợ xong cho bà Đ số tiền nợ trước đó thì chị mới có khả năng trả 165.000.000 đồng hui của dây hui này.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau: thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp cũng như tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành hòa giải cho các đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ: Buộc chị Trần Thị T phải trả cho bà Võ Thị Đ số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Đ yêu cầu chị Trần Thị T trả số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đ và chị T thống nhất là chị Trúc có tham gia chơi hui do bà Đ làm đầu thảo, dây hui mở ngày 10/02/2018 âm lịch, dây hui có 35 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, gồm có 31 thành viên tham gia, chị T tham gia 04 phần, chị Trúc đã hốt 04 phần cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 20/02/2018 âm lịch chị T hốt hui ở kỳ khai hui thứ 01 số tiền là 65.150.000 đồng, bà Đ đã giao đủ tiền mặt cho chị T.

- Lần 02: Ngày 20/6/2018 âm lịch, chị T hốt hui ở kỳ khai hui thứ 4, với số tiền là 75.000.000 đồng, bà Đ đã giao đủ bằng tiền mặt cho chị T.

- Lần 03: Ngày 20/4/2019 âm lịch chị T đã hốt hui ở kỳ khai hui thừa 12, số tiền là 73.450.000 đồng bà Đ đã giao đủ số tiền này cho chị T.

- Lần 04: do nợ hui chết không đóng nên bà Đ đã trừ qua tiền thiếu hui chết 15 kỳ là 45.000.000 đồng, dây hui này nay đã mãn ngày 20/11/2020 âm lịch, nay chị T còn nợ bà số tiền là 165.000.000 đồng.

Bà Đ cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Đ là các giấy hui có chữ ký tên, ghi họ tên của chị Trần Thị T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T đồng ý thừa nhận chị T còn nợ bà Đ số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng là đúng, mặc dù chị T cho rằng quá trình hốt hui chị T có đóng lại hui chết nhưng chị không nhớ đóng được bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền và tiền hui chết và các lần đóng thì chị T không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh có đóng hui chết như lời chị T trình bày, lời trình bày này của chị T không được

bà Đ thừa nhận. Nay bà Đ yêu cầu chị T trả số tiền nợ hui là 165.000.000 đồng thì chị T cũng đồng ý trả, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Từ đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu chị T trả cho bà số tiền còn nợ hui là 165.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Việc chị T xin tạm thời không trả số nợ hui 165.000.000 đồng, với lý do hiện nay chị T không có tiền để trả, khi nào chị T có tiền thì chị T sẽ trả số tiền nợ 165.000.000 đồng này cho bà Đ. Lời trình bày này của chị T là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi cho quyền lợi của bà Đ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 273, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471, 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Đ.

Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Đ số tiền 165.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị T chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả nợ xong.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền là 8.250.000 đồng (Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Võ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 4.125.000 đồng theo biên lai số 0017198 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh